TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: **61**/2023/DS-ST
Ngày: 30/8/2023
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa.
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Nguyễn Hữu Hạnh
2/ Ông Huỳnh Ngọc Trứ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang: Ông Nguyễn Trân Quốc Vương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2023/DS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2023/QĐXXST- DS ngày 24 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự.

Nguyên đơn:
Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1954;
Địa chỉ: ấp Tây B, xã T1, huyện T2, tỉnh Tiền Giang.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông T: bà TH, sinh năm 1959;
Địa chỉ: số 27, đường Phạm Thanh, phường 5, thành phố TH, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn:
Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1977;
Bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1981;
Cùng địa chỉ: ấp NV, xã NV1, thị xã NV2, tỉnh Tiền Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Ông V1, sinh năm 1980;
Địa chỉ: ấp NV, xã NV1, thị xã NV2, tỉnh Tiền Giang.
Ông V2, sinh năm 1974;
Địa chỉ: ấp NV, xã NV1, thị xã NV2, tỉnh Tiền Giang.
Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông V2: ông D, sinh năm 1963; (văn bản ủy quyền số công chứng 2314, quyển số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 02/8/2023)
Địa chỉ: khu phố 1, thị trấn D1, huyện D2, tỉnh Tiền Giang.

(Bà TH, ông N, ông D có mặt; bà V, ông V1 có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 20/02/2023 quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông T có đại diện theo ủy quyền là bà TH trình bày:

Ông T và ông N, bà V có mối quan hệ quen biết do con của ông T là ông Nguyễn Hoàng V1 quen biết với ông N, bà V. Nên vào ngày 22/7/2022 vợ chồng ông N, bà V có vay của ông T số tiền 200.000.000 đồng. Khi vay tiền ông N, bà N có làm biên nhận đề ngày 22/7/2022. Khi vay thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, thời hạn vay là 02 tháng. Mục đích vay là làm ăn. Từ lúc vay tiền đến nay thì bị đơn không có trả cho nguyên đơn số tiền vốn hay tiền lãi nào. Ông T đã nhiều lần yêu cầu ông N, bà V trả tiền nhưng ông N bà V hẹn nhiều lần đến nay không trả.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền vốn vay là 200.000.000 đồng, yêu cầu trả lãi chậm trả tính từ ngày 22/9/2022 đến 22/8/2023 là 200.000.000 đồng x 11 tháng x 0,83%/tháng = 18.260.000 đồng. Yêu cầu trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Hồng V có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T số tiền vốn vay là 200.000.000 đồng, yêu cầu trả lãi tạm tính từ tháng 23/9/2022 đến 22/5/2023 là 200.000.000 đồng x 10 tháng x 1,66%/tháng = 33.200.000 đồng.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:*

Ông không biết ông Nguyễn Văn T là ai. Ông cũng không biết ông Nguyễn Hoàng V1 là ai hết. Ông không có vay tiền của ông T. Nay ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong giấy nhận tiền đề ngày 22/7/2022 nội dung của giấy nhận tiền thì chữ viết không phải của ông, còn phần ký tên và ghi Nguyễn Văn N ở phía dưới người nhận thì đúng là chữ ký và chữ viết của ông. Nhưng ông không có biết nội dung của giấy nhận tiền này. Trước đây, do ông cần tiền nhưng không vay được trong ngân hàng nên ông mới nhờ ông Trần Thanh V2 làm hồ sơ vay tiền của ngân hàng cho ông, ngân hàng cụ thể thì ông không biết. Lúc đó hai bên thỏa thuận là ông cần vay số tiền 100.000.000 đồng, ông V2 nói là ông V2 sẽ làm thủ tục vay ngân hàng được nhưng cho ông V2 vay thêm 50.000.000 đồng. Sau đó ông đưa bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất do ông đứng tên, chứng minh nhân dân bản chính của ông, căn cước công dân bản photo của bà V cho ông V2 giữ để làm hồ sơ. Cũng ngay thời điểm đó thì ông Phong có đưa cho ông một tờ giấy nhận tiền kêu ông ký. Ông không có vay tiền gì của ông V1 hay ông Nguyễn Văn T hết. Ông cũng không có mối quan hệ làm ăn gì với ông V1, ông T. Nay ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V trình bày:*

Bà không biết ông T và ông V1 là ai. Bà không có vay mượn tiền gì của ai. Chữ ký và chữ viết Nguyễn Thị Hồng V và dấu vân tay trong giấy nhận tiền đề

ngày 22/7/2022 không phải là chữ ký, chữ viết và dấu vân tay của bà. Còn chữ ký và chữ viết Nguyễn Văn N ở phía dưới phần người mượn trong giấy nhận tiền đề ngày 22/7/2022 thì đúng là chữ ký và chữ viết của ông N. Đối với việc nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc bà có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trọng số tiền vốn vay là 200.000.000 đồng, yêu cầu trả lãi tạm tính từ tháng 23/9/2022 đến 22/5/2023 là 200.000.000 đồng x 10 tháng x 1,66%/tháng = 33.200.000 đồng thì bà không có ý kiến gì.

** Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng V1 vắng mặt và có đơn xin vắng mặt, nhưng tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 29/6/2023 ông Vũ trình bày:*

Trước đây ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Hồng V có hỏi vay tôi số tiền 200.000.000 đồng để kinh doanh và chi tiêu gia đình. Nhưng vì tôi không có tiền nên tôi có nói cha tôi là ông Nguyễn Văn T cho ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Hồng V vay số tiền 200.000.000 đồng. Ông T cho ông N và bà V vay là tiền của ông T, không phải tiền của tôi.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh V2 có đại diện theo ủy quyền là ông Phan Văn D trình bày:

Lời trình bày của bị đơn ông Nguyễn Văn N về việc ông N nhờ ông Trần Thanh V2 làm hồ sơ vay tiền của ngân hàng cho ông N và ông N có đưa bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất do ông đứng tên, chứng minh nhân dân bản chính của ông, căn cước công dân bản photo của bà V cho ông P giữ để làm hồ sơ, ông N ký tên vào tờ giấy nhận tiền do ông P đưa là hoàn toàn không có sự việc như ông N trình bày. Ông Trần Thanh V2 không có vay tiền giùm ông N. Trong vụ kiện này việc vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn không liên quan gì đến ông Trần Thanh V2. Nên nay ông V2 không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy phát biểu ý kiến và đề nghị:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định của Điều 68, 70, 71, 72, 73, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn T số tiền vốn vay 200.000.000 đồng và tiền lãi 18.260.000 đồng.

Về án phí bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng V1 có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bà V, ông V1 tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định quan hệ tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" và bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Hồng V đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp NV, xã NV1, thị xã NV2, tỉnh Tiền Giang căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về nội dung: nguyên đơn ông Nguyễn Văn T yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn N trả số tiền 218.260.000 đồng. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn xác định phía ông T có cho ông N vay số tiền 200.000.000 đ (hai trăm triệu đồng). Nguyên đơn cũng có cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh là ông T có cho ông N vay số tiền 200.000.000 đồng cụ thể là bản chính giấy nhận tiền đề ngày 22 tháng 7 năm 2022 có chữ ký của người nhận là ông Nguyễn Văn N. Đến hạn trả tiền nhưng ông N không thực hiện việc trả tiền như đã thỏa thuận. Việc bị đơn không thực hiện đúng nội dung đã thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn.

[4] Bị đơn ông N trình bày đối với giấy nhận tiền đề ngày 22/7/2022 chữ ký và chữ viết Nguyễn Văn N ở phía dưới người mượn là của ông nhưng ông không có vay tiền của ông T. Lúc đó ông cần tiền nhưng không vay được trong ngân hàng nên ông mới nhờ ông Trần Thanh V2 làm hồ sơ vay tiền của ngân hàng cho ông. Khi ông V2 làm hồ sơ vay tiền thì ông có ký tên vào biên nhận do ông V2 đưa. Nhưng trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa thì ông N không có cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của ông là đúng và cũng không được nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông V2 thừa nhận. Do đó, lời trình bày của bị đơn không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[5] Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2023 thì nguyên đơn ông Nguyễn Văn T có yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Hồng V có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T số tiền vốn vay là 200.000.000 đồng, yêu cầu trả lãi tạm tính từ tháng 23/9/2022 đến 22/5/2023 là 200.000.000 đồng x 10 tháng x 1,66%/tháng = 33.200.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng V có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T số tiền vốn vay là 200.000.000 đồng, yêu cầu trả lãi tạm tính từ tháng 23/9/2022 đến 22/5/2023 là 200.000.000 đồng x 10 tháng x 1,66%/tháng = 33.200.000 đồng. Nguyên đơn chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền vốn vay và lãi tổng cộng là 218.260.000 đồng. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của ông T.

[6] Về yêu cầu trả lãi chậm trả: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông N trả lãi chậm trả tính từ ngày 22/9/2022 đến 22/8/2023 là 200.000.000 đồng x 11 tháng x 0,83%/tháng = 18.260.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, theo giấy mượn tiền đề ngày 22/7/2022 hai bên không có thỏa thuận lãi suất khi cho vay nhưng có thỏa thuận thời gian trả tiền là 02 tháng kể từ thời điểm vay là ngày 22/7/2022, đến hạn trả tiền bị đơn không trả. Nên căn cứ vào khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên yêu cầu trả lãi chậm trả của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền vốn vay 200.000.000 đồng, tiền lãi 18.260.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi 218.260.000 đồng.

[8] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, nên bị đơn ông Nguyễn Văn N chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 218.260.000 đồng x 5% = 10.913.000 đồng.

[9] Xét, ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 2 Điều 92; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1.Về dân sự:

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Hồng V có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T số tiền vốn vay là 200.000.000 đồng, yêu cầu trả lãi tạm tính từ tháng 23/9/2022 đến 22/5/2023 là 200.000.000 đồng x 10 tháng x 1,66%/tháng = 33.200.000 đồng.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn T số tiền vốn vay 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), lãi 18.260.000 đồng (Mười tám triệu hai trăm sáu mươi ngàn đồng), tổng cộng vốn và lãi 218.260.000 đồng (Hai trăm mười tám triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: ông Nguyễn Văn N chịu 10.913.000 (Mười triệu chín trăm mười ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Do nguyên đơn ông Nguyễn Văn T hiện tại 69 tuổi, theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án và Điều 2 Luật người cao tuổi, nên ông T được miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn ông Nguyễn Văn N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Nguyễn Thị hồng V, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng V1 được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Kim Thoa